| TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|

Bản án số: 78/2024/HS-PT
Ngày: 18/1/2024

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Phạm Văn Nam;
*Các thẩm phán:* Ông Đặng Văn Hưng;
Ông Nguyễn Hải Thanh.

- ***Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Hà Lê Giang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại HàNội tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Huy Hải - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 18 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 1080/2023/TLPT-HS ngày 16 tháng 10 năm 2023 đối với các bị cáo Đinh Thị B, Đinh Thị T và Dư Văn L.

Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 360/2023/HS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- *Các bị cáo có kháng cáo:*

**1. Đinh Thị B**, sinh năm 1993 tại Hà Nội; giới tính: Nữ; nơi ĐKNKTT: P414, tòa nhà H, khu đô thị T, xã C, huyện T, thành phố Hà Nội; chỗ ở: P, tòa nhà H, khu đô thị T, xã C, huyện T, thành phố Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không ; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; tham gia Đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Đinh Hữu Đ và bà Nguyễn Thị H; có chồng là Dư Văn L và 03 con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/4/2022 đến ngày 20/4/2022. Hiện bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

**2. Đinh Thị T,** sinh năm 1995 tại Hà Nội; giới tính: Nữ; nơi ĐKHKTT: Thôn P, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam; chỗ ở: P, tòa nhà H, khu đô thị T, xã C, huyện T, thành phố Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không;

trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; tham gia Đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Đinh Hữu Đ và bà Nguyễn Thị H; có chồng là Nguyễn Bá M và 02 con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/4/2022. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an thành phố H. (Có mặt)

**3. Dư Văn L**, sinh năm 1989 tại Hà Nội; giới tính: Nam; nơi ĐKNKTT: Thôn N, xã Đ, huyện Ứ, thành phố Hà Nội; chỗ ở: P, tòa nhà H, khu đô thị T, xã C, huyện T, thành phố Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 05/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; tham gia Đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Dư Văn K và bà Nguyễn Thị Q; có vợ là Đinh Thị B và 03 con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/4/2022. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an thành phố H. (Có mặt)

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo Nguyễn Bá M, Dư Văn G, Lê Văn Đ1, Dư Văn K1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Đinh Thị B (sinh năm 1993; trú tại Phòng 1128-HH02C, khu đô thị T, xã C, huyện T, Hà Nội) là đối tượng không có nghề nghiệp. Để có tiền tiêu xài, B nảy sinh ý định tổ chức cho người mang thai hộ cho những người có nhu cầu nhờ người khác mang thai hộ để lấy tiền hưởng lợi. Để thực hiện mục đích trên, khoảng đầu năm 2021, B đến Bệnh viện Đ4, Bệnh viện H7 để làm quen với những người có nhu cầu nhờ mang thai hộ, thỏa thuận chi phí mang thai hộ khoảng từ 650.000.000 đồng đến 700.000.000 đồng/trường hợp, nếu mang thai đôi thì phải trả thêm từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng và phải thanh toán theo giai đoạn do B đặt ra. B sử dụng số tài khoản 0580151869999 mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Q2 (MB) để nhận tiền từ khách có nhu cầu nhờ người khác mang thai hộ làm nhiều đợt, tùy từng giai đoạn người mang thai hộ đang thăm khám, xét nghiệm. Sau đó, B yêu cầu những người nhờ mang thai hộ cung cấp tinh trùng (nếu chưa làm thụ tinh nhân tạo để thành phôi) hoặc những gia đình có sẵn phôi (được thụ tinh nhân tạo) để B đưa đến các Bệnh viện cấy phôi vào tử cung của người nhận mang thai hộ.

Để tuyển chọn những người phụ nữ nhận mang thai hộ, B đăng tải thông tin tìm kiếm lên trang mạng xã hội Facebook, tham gia hội "*Mang thai hộ vì mục đích nhân đạo giúp các gia đình vô sinh hiếm muộn*" và sử dụng nick "*Ngọc N*" đăng nhiều bài viết với nội dung "*Hỗ trợ hồ sơ mang thai hộ, hồ sơ xin trứng,*

*cung cấp người hiến trứng, tư vấn xin trứng và mang thai hộ miễn phí, hottel zalo 0878435678 để được tư vấn*". Khi tuyển người mang thai hộ, B đăng bài "*Hiện tại rất cần các bạn nhận hiến trứng và mang thai hộ, yêu cầu 18 tuổi đến 33 tuổi. Sức khỏe ok, đang chu kỳ hoặc gần chu kỳ, làm luôn không chờ đợi, bạn nào nhận ib em nhé*" với giá từ 230.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng, được nuôi ăn ở chăm sóc miễn phí. Sau khi tuyển xong, B đưa những người này về nơi thuê trọ của B tại Phòng 1206, tòa HH03B, khu đô thị T, xã C, huyện T, Hà Nội để chờ xét nghiệm khi có người thuê mang thai hộ. Sau đó, B rủ Dư Văn L (sinh năm 1989; là chồng của B) cùng tham gia tổ chức mang thai hộ và L có nhiệm vụ đưa những người mang thai hộ đi nộp hồ sơ, khám, xét nghiệm, thụ tinh tại Bệnh viện hỗ trợ sinh sản và Nam học Đ, Bệnh viện P2.

Cùng thời điểm năm 2021, Nguyễn Bá M (sinh năm 1990; trú tại Phòng 1416-HH02B, khu đô thị T, xã C, huyện T, Hà Nội; là em ruột của B) và Đinh Thị T (sinh năm 1995; là vợ M) mua các thiết bị máy tính, máy làm con dấu, phôi giấy chứng nhận kết hôn, mực in, các loại giấy chuyên dùng để làm giả con dấu, tài liệu. Sau đó, T đăng bài bằng nick Facebook "*Bống Nhím*" vào các hội nhóm "*Hiến trứng*", "*Mang thai hộ*", "*Làm giấy tờ*" trên mạng xã hội Facebook với nội dung làm giấy tờ cho người có nhu cầu và nhận thông tin của khách qua tin nhắn Facebook rồi chuyển thông tin đến zalo "*Bống Nhím*" của M. T chỉ liên lạc với khách qua tin nhắn Facebook và sau khi hoàn thiện tài liệu giả, T chuyển ship COD (người giao hàng thu tiền hộ), thu tiền của khách 500.000 đồng để làm giả 01 giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, 1.000.000 đồng để làm giả 01 giấy chứng nhận kết hôn. Do các Bệnh viện hỗ trợ sinh sản và Nam học Đức P và Bệnh viện P2 yêu cầu các trường hợp thụ tinh nhân tạo phải có chứng nhận kết hôn hoặc chứng nhận độc thân kèm theo người hiến tinh trùng. Giai đoạn đầu, B thuê người không quen biết (quen qua mạng xã hội Facebook) làm giả giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho các trường hợp cặp đôi ông Lê Hồng T1 (sinh năm 1964; trú tại số nhà G, phố V, phường N, quận Đ, Hà Nội) với Phạm Thị N1 (sinh năm 1993; trú tại tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình), Vũ Hồng G1 (sinh năm 1972; trú tại số nhà E, B, tập thể N, phường N, quận Đ, Hà Nội) với Nguyễn Thị K2 (sinh năm 1990; trú tại xã T, thành phố L, tỉnh Lào Cai) với giá mua khoảng 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng/tài liệu. Đến khi Đinh Thị T và Nguyễn Bá M (là vợ chồng em gái B) có thể làm giả được các tài liệu trên thì B đã nhờ T và M làm giả Giấy chứng nhận kết hôn và Giấy chứng nhận độc thân cho những người nhờ mang thai và người mang thai hộ. M và T biết phải có những giấy tờ giả trên thì B và L mới tổ chức mang thai hộ được nên đã đồng ý. B sử dụng Zalo "Linhzz" chuyển hình ảnh Chứng minh nhân dân hoặc thông tin của người mang thai hộ cho T qua zalo "*Đinh Thị T*" để T chuyển cho M làm giả đăng ký kết hôn, còn chữ ký lãnh đạo do T tự nghĩ ra, tự ký (T không xem mẫu hoặc xem thông tin

trên mạng xã hội). Sau khi hoàn thiện giấy tờ giả, T đưa lại cho B. Đến ngày thụ tinh nhân tạo, B đưa giấy chứng nhận kết hôn giả, giấy chứng nhận xác nhận tình trạng hôn nhân cho người mang thai hộ cầm đến trình với bộ phận quản lý hồ sơ của Bệnh viện để làm thủ tục hồ sơ, khám, hiến trứng và thụ tinh nhân tạo. Ngay sau khi thụ tinh thành công, B thu hồi lại rồi hủy bỏ. Trong quá trình làm nghề môi giới bán trứng, tư vấn hỗ trợ sinh sản trước đây, Bình thường đưa người hiếm muộn đến khám tại phòng xét nghiệm Folap (địa chỉ tại BT4 ở số I, khu đô thị X, quận H) sàng lọc trước sinh, ung thư sớm. Tại đây, B quen biết với Lê Văn Đ1 (sinh năm 1983; trú tại thôn M, xã P, huyện T, Hà Nội), là nhân viên xét nghiệm. Quá trình quen biết, Đ1 biết B tổ chức mang thai hộ nên đã nhờ B tổ chức mang thai hộ cho ông Lê Hồng T1 (có lai lịch nêu trên, là chú họ của Đ1). Ngoài ra, B còn nhờ Dư Văn G (sinh năm 1984; trú tại thôn N, xã Đ, huyện Ứ, Hà Nội) và Dư Văn K1 (sinh năm 1982; trú tại thôn N, xã Đ, huyện Ứ, Hà Nội) là các anh ruột của Dư Văn L, chồng B giúp sức cho B bằng cách đóng giả người mang thai hộ, tráo nộp tinh trùng của người hiếm muộn cho các Bệnh viện hỗ trợ sinh sản và Nam học Đ, Bệnh viện P2.

Bằng phương pháp và thủ đoạn như trên, trong khoảng thời gian từ giữa năm 2021 đến tháng 4/2022, Đinh Thị B đã cùng Dư Văn L, Nguyễn Bá M, Đinh Thị T, Lê Văn Đ1, Dư Văn G và Dư Văn K1 tổ chức mang thai hộ 08 vụ và Nguyễn Bá M, Đinh Thị T, Đinh Thị B thực hiện hành vi Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức, cụ thể như sau:

**1. Vụ thứ nhất:** Khoảng tháng 01/2021, ông Lê Hồng T1 (sinh năm 1964; trú tại số nhà G, phố V, phường N, quận Đ, Hà Nội) muốn có con trai nên đã nói với cháu họ là Lê Văn Đ1 tìm người mang thai hộ. Đ1 đồng ý và dẫn ông T1 đến gặp Đinh Thị B tại quán nước trong khu đô thị T, xã C, huyện T, Hà Nội. Tại đây, qua trao đổi, ông T1 và B thống nhất giá tiền mang thai hộ là 650.000.000 đồng. Thống nhất với ông T1 xong, B thuê chị Phạm Thị N1 mang thai hộ cho ông T1 với giá 240.000.000 đồng. Sau đó, B thuê người không quen biết qua facebook (B không nhớ nick) làm Giấy xác nhận độc thân giả cho ông T1 và chị N1, làm giả Quyết định công nhận thuận tình ly hôn mang tên chị N1. Khi có Giấy chứng nhận độc thân và Quyết định công nhận thuận tình ly hôn thì B đưa cho chị N1 và chỉ đạo Dư Văn L có nhiệm vụ đưa, đón chị N1 đưa đến Bệnh viện hỗ trợ sinh sản và Nam học Đ để khám, xét nghiệm sàng lọc nộp hồ sơ, khám, hiến trứng. Đồng thời, theo chỉ đạo của B thì chị N1 tự nộp hồ sơ làm thủ tục "người độc thân" muốn có con, xin tinh trùng của ông T1. Sau khi thành công đã tiến hành cấy phôi vào tử cung chị N1. Đến ngày 21/3/2022, chị N1 đã sinh 01 bé trai tại bệnh viện Đ4. B đã bàn giao cháu bé cho gia đình ông T1 để nuôi dưỡng. Ông T1 đã khai sinh đặt tên cháu bé là Lê Hồng B1 và hiện nay gia đình ông T1 đang nuôi dưỡng chăm sóc.

Quá trình điều tra xác định số tiền 672.000.000 đồng do B nhận của ông T1, B trả cho chị N1 262.000.000 đồng gồm tiền hiến trứng và mang thai hộ; chi phí tại Bệnh viện hỗ trợ sinh sản và Nam học Đ hết 260.000.000 đồng; chia cho Đ1 số tiền 15.000.000 đồng; chi phí thuê nhà, nuôi ăn, chăm sóc tẩm bổ cho N1 trong 09 tháng mang thai số tiền là 75.000.000 đồng, còn lại B được hưởng lợi 60.000.000 đồng.

Tại bản kết luận giám định số 112/22/TC-ADN ngày 21/11/2022, của Trung tâm P3 - Sở Y kết luận: *"... Người có mẫu ghi tên Lê Hồng T1 có quan hệ huyết thống bố - con với người có mẫu ghi tên Lê Hồng B1, độ tin cậy 99,9999%"*.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân phường N, quận Đ, Hà Nội cung cấp: Không xác nhận tài liệu Giấy chứng nhận độc thân số 173/UBND-XNTTHN ngày 23/4/2021 cho Lê Hồng T1.

Tại công văn số 19/UBND-TP ngày 27/12/2022 của Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình cung cấp: Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 138/UBND-XNTTHN ngày 20/4/2021 không do Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T cấp cho Phạm Thị N1.

**2. Vụ thứ hai:** Khoảng tháng 5/2021, qua mạng xã hội Facebook, ông Vũ Hồng G1 lên mạng xã hội tìm hiểu dịch vụ mang thai hộ vì muốn có thêm con. Sau đó, ông G1 biết Đinh Thị B tổ chức mang thai hộ nên đã liên lạc nhờ B tìm người mang thai hộ. B và ông G1 thống nhất giá tiền mang thai hộ là 700.000.000 đồng. B thuê chị Nguyễn Thị K2 mang thai hộ với giá 230.000.000 đồng, K2 đồng ý. Sau đó, B thuê người không quen biết qua facebook (B không nhớ nick) làm giấy xác nhận độc thân giả cho ông G1 và K2. Khi có Giấy chứng nhận độc thân, B đưa cho chị K2 và chỉ đạo Dư Văn L làm nhiệm vụ đưa, đón chị K2 đến Bệnh viện hỗ trợ sinh sản và nam học Đức P để nộp hồ sơ, khám, hiến trứng và chị K2 tự nộp hồ sơ làm thủ tục "người độc thân" muốn có con, xin tinh trùng của ông G1. Sau khi thành công, đã tiến hành cấy phôi vào tử cung chị K2. Ngày 05/04/2022, chị K2 đã sinh 01 bé trai tại bệnh viện Đ4. B giao cháu bé cho ông G1 để nuôi dưỡng ông G1 đã đi khai sinh và đặt tên là Vũ Nam K3. Hiện nay, cháu K3 đang được gia đình ông G1 nuôi dưỡng chăm sóc.

Quá trình điều tra xác định số tiền 700.000.000 đồng do B nhận của ông G1, B trả cho chị K2 số tiền 230.000.000 đồng mang thai hộ; chi phí tại bệnh viện hỗ trợ sinh sản và nam học Đức P và viện phí cho K2 nằm viện do sinh thiếu tháng hết 300.000.000 đồng; chi phí thuê nhà, nuôi ăn, chăm sóc tẩm bổ cho K2 trong 09 tháng mang thai số tiền là 110.000.000 đồng. B hưởng lợi số tiền 60.000.000 đồng.

Tại bản kết luận giám định số 112/22/TC-ADN ngày 21/11/2022, của Trung tâm P3 - Sở Y kết luận: *"... Người có mẫu ghi tên Vũ Hồng G1 có quan hệ huyết thống bố - con với người có mẫu ghi tên Vũ Nam K3, độ tin cậy 99,9999%"*.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân phường N, quận Đ, Hà Nội cung cấp: Không xác nhận tài liệu Giấy chứng nhận độc thân số 206/UBND-XNTTHN ngày 16/8/2021 cho Vũ Hồng G1.

Tại công văn số 251/UBND-TP ngày 28/12/2022, của Ủy ban nhân dân xã T cung cấp: Năm 2018, Ủy ban nhân dân xã T chưa phát hành cấp giấy xác nhận tình trạng hôn đến đến số 257, không phát hành văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân số 257/UBND-XNTTHN cấp ngày 08/7/2021 cho Nguyễn Thị K2.

**3. Vụ thứ ba:** Khoảng tháng 7/2021, thông qua anh Vũ Ngọc Q1 (sinh năm 1981; trú tại P, tòa nhà H, khu đô thị T, xã C, huyện T, Hà Nội, là hàng xóm của B) và chị Nguyễn Thị H1 (sinh năm 1976; trú tại số nhà B, phố Q, phường N, T, Hà Nội) giới thiệu cho chị Lê Thị T2 (sinh năm 1990; trú tại T, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sơn La, là người có sức khỏe yếu khó giữ được thai) quen biết Đinh Thị B để nhờ tìm người mang thai hộ. Qua trao đổi, B đưa ra giá 670.000.000 đồng và chị T2 đồng ý. B đã thuê Kha Thị N2 (sinh năm 1993; trú tại xã T, huyện K, tỉnh Nghệ An) là người mang thai hộ với giá tiền 230.000.000 đồng. Do chị T2 không muốn tiết lộ lai lịch của chồng là anh Đàm Trọng T3 (sinh năm 1988) nên nhờ B làm hồ sơ đứng tên người khác. B đồng ý và nhờ Dư Văn K1 đóng giả là chồng của N2 để vào bệnh viện nộp hồ sơ làm thủ tục thụ tinh nhân tạo, tráo nộp tinh trùng của anh T3, K1 đồng ý. Sau đó, B nhờ vợ chồng T, M làm giả giấy chứng nhận kết hôn số 22/2018 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Ứ, Hà Nội cấp ngày 16/4/2018 cho Kha Thị N2 và Dư Văn K1. Khi có giấy chứng nhận kết hôn giả, B đưa cho N2 và yêu cầu N2, K1 ký vào mục vợ chồng. Sau đó, Dư Văn L đưa N2 đến Bệnh viện H7 để nộp hồ sơ khám để làm thủ tục thụ tinh nhân tạo. Đến ngày thụ tinh thì B đã nhờ K1 đến Bệnh viện hỗ trợ sinh sản và Nam học Đ để nhận tinh trùng do anh T3 để nộp vào bệnh viện. K1 đóng giả là chồng của N2 rồi nhận tinh trùng của anh T3 tại cổng Bệnh viện hỗ trợ sinh sản và Nam học Đ và giấu lọ tinh trùng trong người. K1 vào phòng kín lấy mẫu tinh trùng như bình thường, ngồi bên trong khoảng 15 phút thì nộp tinh trùng cho bác sỹ. Khoảng tháng 4/2022, N2 đã được thụ tinh nhân tạo ở Bệnh viện hỗ trợ sinh sản và Nam học Đ nhưng kết quả không đạt.

Quá trình điều tra xác định tổng số tiền 351.500.000 đồng do B nhận của chị T2, B đã chi phí tại bệnh viện hỗ trợ sinh sản và nam học Đức Phúc hết 180.000.000 đồng; đưa cho N2 110.000.000 đồng, gồm 74.000.000 đồng để làm xét nghiệm sàng lọc ở bệnh viện và 37.000.000 đồng do N2 tạm ứng; chi phí thuê nhà, nuôi ăn và mua thuốc bổ cho N2 50.000.000 đồng. B được hưởng lợi số tiền 11.000.000 đồng.

Ngày 11/01/2023, Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Ứ, Hà Nội cung cấp: Qua kiểm tra sổ gốc tại Ủy ban nhân dân xã K4 phát hành Giấy chứng nhận kết hôn số 22/2018 cấp ngày 16/4/2018 cho Kha Thị N2 và Dư Văn K1.

Ngày 16/2/2023, Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện M, tỉnh Sơn La cung cấp: Qua kiểm tra sổ gốc tại Ủy ban nhân dân thị trấn không phát hành giấy chứng nhận độc thân cấp cho Lê Thị T2.

**4. Vụ thứ tư:** Khoảng tháng 7/2021, ông Lê Huy H2 (sinh năm 1971; trú tại xóm C, xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên) vào mạng xã hội Facebook tìm người mang thai hộ và quen biết Đinh Thị B. Qua trao đổi, B đưa ra giá 750.000.000 đồng để mang thai đôi, ông H2 đồng ý. B đã thuê Phạm Tuyết T4 (sinh năm 1997; trú tại số nhà D, ngõ A, phố T, phường T, quận Đ, Hà Nội) mang thai hộ với số tiền là 280.000.000 đồng. Do ông H2 muốn che giấu thông tin cá nhân nên B đã nhờ Dư Văn G đóng giả là chồng của T4 để vào bệnh viện nộp hồ sơ làm thủ tục thụ tinh nhân tạo, tráo nộp tinh trùng của ông H2, G đồng ý. B nhờ T và M làm giả Giấy chứng nhận kết hôn số 58/2021 do Ủy ban nhân dân phường T, quận Đ, Hà Nội cấp ngày 09/12/2021 cho Phạm Tuyết T4 với Dư Văn G. Sau khi có giấy chứng nhận kết hôn giả, B đưa cho T4 và yêu cầu G, T4 ký vào mục vợ chồng. Đến ngày 11/01/2022, Dư Văn L chở T4 đến Bệnh viện H7 để nộp hồ sơ khám, làm thủ tục thụ tinh nhân tạo, còn G tự đến bệnh viện gặp T4. Tại bệnh viện, G và T4 đóng giả là vợ chồng đi làm các thủ tục khám theo quy trình. B yêu cầu cho ông Hoàng liên h với G để giao tinh trùng của ông H2 cho G tại cổng Bệnh viện hỗ trợ sinh sản và Nam học Đ. Nhận xong, G giấu vào trong người và đi lên phòng lấy tinh trùng theo quy trình; sau đó G nộp lọ tinh trùng cho nhân viên y tế. Trinh làm thủ tục thụ tinh nhân tạo đạt kết quả mang thai đôi. Đến khoảng tháng 9/2022, T4 sinh được 02 cháu trai và bàn giao cho ông H2 chăm sóc nuôi dưỡng.

Quá trình điều tra xác định số tiền 300.000.000 đồng do B nhận của ông H2, B chi phí tại Bệnh viện hỗ trợ sinh sản và nam học Đức P để làm thủ tục khám, xét nghiệm và thụ tinh nhân tạo, nuôi dưỡng T4 hết 300.000.000 đồng. Đến khi bị bắt, B không nhận thêm tiền của ông H2. Sau khi chị T4 sinh 02 cháu bé, ông H2 đã chuyển cho T4 230.000.000 đồng, T4 đã tiêu hết số tiền trên.

Ngày 20/12/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H tiến hành lập biên bản làm việc tại Ủy ban nhân dân phường T, quận Đ, Hà Nội cung cấp: Kiểm tra tại sổ đăng ký kết hôn số 58/2021 đang lưu tại Ủy ban nhân dân phường T cấp cho chị Tạ Hoàng L1 và chồng là Bùi Xuân D, trú tại số nhà A, phố P, phường C, quận H, Hà Nội; Kiểm tra tại sổ đăn ký kết hôn năm 2020, tại số 52/2020, cho thấy chị Phạm Tuyết T4 kết hôn với anh Nguyễn Thế T5 vào ngày 29/4/2020.

Quá trình điều tra vụ án, ông Lê Huy H2 giao nộp 01 phiếu kết quả phân tích ADN số HID22 27467 của Công ty cổ phần D2 cấp ngày 09/9/2022 kết luận: Người có mẫu ghi tên Lê Huy H2 ký hiệu 27467B và người có mẫu ADN ký hiệu 27467C1 có quan hệ huyết thống Cha - Con.

**5. Vụ thứ năm:** Khoảng tháng 12/2021, anh Nguyễn Minh H3 (sinh năm 1989; trú tại số C D, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng) là người chưa kết hôn nhưng muốn có con nên đã vào mạng xã hội Facebook tìm hiểu và biết Đinh Thị B tổ chức mang thai hộ. Anh H3 đã liên hệ nhờ B tìm người mang thai hộ thì B đưa ra giá là 792.000.000 đồng (thai đôi, bao gồm tiền hiến trứng). Anh H3 đồng ý và chuyển cho B 360.000.000 đồng, số tiền còn lại anh H3 sẽ thanh toán sau khi cháu bé được sinh. B thuê chị Đồng Thị Hà T6 (sinh năm 1996; trú tại xã L, huyện M, tỉnh Hòa Bình) là người mang thai hộ với giá 220.000.000 đồng, T6 đồng ý. B nhờ vợ chồng T, M làm giả Giấy chứng nhận kết hôn số 62/2021 do Ủy ban nhân dân phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng cấp ngày 21/12/2021 cho Nguyễn Minh H3 và Đồng Thị Hà T6. Khi có giấy chứng nhận kết hôn giả, B đưa cho T6 và yêu cầu T6 và H3 ký vào mục vợ chồng. Sau đó, L đưa T6 đến Bệnh viện hỗ trợ sinh sản và nam học Đức P để anh H3 và T6 đóng giả là vợ chồng nộp hồ sơ kiểm tra, hiến trứng đồng thời làm thụ tinh nhân tạo giữa trứng của T6 và tinh trùng của anh H3. Khi thành công đã tiến hành cấy phôi vào tử cung T6 nuôi dưỡng phôi thai (thời điểm phát hiện bắt giữ, T6 đang mang thai đôi 27 tuần). Sau đó, anh H3 đã đưa T6 về thành phố Hải Phòng nuôi dưỡng thai đến khi T6 sinh được 02 bé trai. Anh H3 đã trả cho T6 230.000.000 đồng và không đưa cho B số tiền còn lại như thỏa thuận trong hợp đồng.

Quá trình điều tra xác định số tiền 360.000.000 đồng do B nhận của anh H3, B trả cho T6 22.000.000 đồng tiền hiến trứng và ứng trước cho T6 số tiền 60.000.000 đồng; chi phí tại Bệnh viện hỗ trợ sinh sản và nam học Đức Phúc hết 260.000.000 đồng. B được hưởng lợi 12.000.000 đồng.

Tại bản Kết luận giám định số 112/22/TC-ADN ngày 21/11/2022 của Trung tâm P3 – Sở Y kết luận: "*... Người có mẫu ghi tên Nguyễn Minh H3 có quan hệ huyết thống bố - con với người có mẫu ghi tên Nguyễn Hoàng D1, độ tin cậy 99,9999%. Không thu được ADN từ mẫu ghi tên Nguyễn Hoàng N3 nên không thể so sánh với ADN của người có mẫu ghi tên Nguyễn Minh H3*".

Tại Công văn số 124/UBND-TPHT ngày 28/12/2022 của Ủy ban nhân dân phường Đ cung cấp: Ngày 21/12/2021, Ủy ban nhân dân phường không ký và ban hành giấy chứng nhận kết hôn số 62/2021 cấp cho công dân Đồng Thị Hà T6 và công dân Nguyễn Minh H3.

**6. Vụ thứ sáu:** Khoảng tháng 12/2021, qua mạng xã hội Facebook, anh Nguyễn Hùng L2 (chưa xác định được) liên lạc với Đinh Thị B qua tin nhắn Facebook, muốn tìm người mang thai hộ. B đồng ý và đưa ra giá 750.000.000 đồng, anh L2 đồng ý và chuyển 300.000.000 đồng cho B để tìm người và làm các xét nghiệm trước. B thuê chị Dương Thị H4 (sinh năm 1990; trú tại xóm L, xã T, huyện T, Hà Nội) là người mang thai hộ với giá 230.000.000 đồng, H4 đồng ý. Do anh L2 muốn che giấu thông tin lai lịch nên B đã nhờ Dư Văn G đóng giả là

chồng của H4 để vào Bệnh viện P2 nộp hồ sơ làm thủ tục khám và thụ tinh nhân tạo, tráo nộp tình trùng của anh L2. Để nộp hồ sơ hợp lệ vào Bệnh viện P2, B bảo vợ chồng T, M làm giả Giấy chứng nhận kết hôn số 58/2018 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, Hà Nội cấp ngày 20/02/2018 cho Dương Thị H4 và Dư Văn G. Khi có giấy chứng nhận kết hôn giả, B bảo G và H4 ký vào mục vợ chồng. Tiếp theo, Dư Văn L đưa H4 đến Bệnh viện để nộp hồ sơ kiểm tra, khám và làm thủ tục thụ tinh nhân tạo; còn G tự đến bệnh viện để gặp H4. Tại bệnh viện, H4 và G đóng giả là vợ chồng đi làm các thủ tục khám theo quy trình. Đến ngày lấy tinh trùng, B chỉ đạo L nhận lọ tinh trùng của anh L2 đưa cho H4 để H4 đưa cho G. G sẽ cầm theo lọ đựng tinh trùng của anh L2 để nộp vào bệnh viện P2 để thụ tinh cho H4. Ngày 06/4/2022, H4 được thụ tinh nhân tạo tại bệnh viện P2 nhưng không thụ thai.

Quá trình điều tra xác định số tiền do B nhận của anh L2 là 300.000.000 đồng. B chi phí thăm khám, xét nghiệm, cấy phôi hết 250.000.000 đồng; trả cho H4 27.000.000 đồng. B được hưởng lợi 23.000.000 đồng. Dư Văn G không được B trả công cho việc tổ chức mang thai hộ trong vụ này.

Ngày 11/01/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H làm việc tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, Hà Nội cung cấp: Kiểm tra tại sổ đăng ký kết hôn số 58/2018 đang lưu trú tại Ủy ban nhân dân xã T cấp cho chị Trương Thị Huyền N4 và anh Vũ Văn N5 trú tại Cụm C, phường H, quận T, Hà Nội; Kiểm tra tại sổ đăng ký kết hôn năm 2015, tại số D, cho thấy chị Dương Thị H4 kết hôn với anh Cao Ngọc T7 vào ngày 19/3/2015.

**7. Vụ thứ bẩy:** Khoảng tháng 1/2022, do muốn có thêm con nên anh Nguyễn Văn T8 (sinh năm 1978; trú tại xã Q, huyện C, Hà Nội) vào mạng xã hội Facebook tìm hiểu và biết Đinh Thị B tổ chức mang thai hộ nên đã liên hệ nhờ B tìm người mang thai hộ. B nói giá là 722.000.000 đồng (bao gồm tiền hiến trứng), anh T8 đồng ý gặp và đưa cho B 260.000.000 đồng. Sau đó, B thuê chị Nguyễn Thị N6 (sinh năm 1999; trú tại khu G, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ) là người mang thai hộ với giá 230.000.000 đồng. B nhờ vợ chồng T, M làm giả Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 10/2021 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Phú Thọ cấp ngày 18/02/2021 cho anh Nguyễn Văn T8 và Nguyễn Thị N6 để nộp cho Bệnh viện hỗ trợ sinh sản và nam học Đức P. Khi có giấy chứng nhận kết hôn giả, B đưa cho N6 và yêu cầu N6 và anh T8 ký vào mục vợ chồng. Sau đó, L đưa anh T8 và N6 đến Bệnh viện hỗ trợ sinh sản và nam học Đức P để N6 hiến trứng đồng thời làm thụ tinh nhân tạo giữa trứng của N6 và tinh trùng của anh T8. Sau khi thụ tinh thành công đã tiến hành cấy phôi vào tử cung Nhàn vào ngày 05/04/2022, nhưng không đậu thai.

Quá trình điều tra xác định số tiền do B nhận của anh T8 là 260.000.000 đồng, B chi phí tại Bệnh viện hỗ trợ sinh sản và nam học Đức Phúc hết

210.000.000 đồng, trả cho N6 22.000.000 đồng tiền hiến trứng và cho N6 ứng 28.000.000 đồng. Sau đó, do không giữ được thai nên anh T8 chưa chuyển số tiền còn lại cho B nên B chưa được hưởng lợi từ vụ này.

Tại công văn số 156/CV-UBND ngày 29/12/2022, của Ủy ban nhân dân xã L cung cấp: Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Phú Thọ không phát hành Giấy chứng nhận kết hôn số 10/2021 ngày 18/02/2021.

**8. Vụ thứ tám:** Khoảng tháng 4/2022, qua mạng xã hội Facebook, Đinh Thị B kết bạn với nick có tên tài khoản của chị Trần Thị Bích N7 (không xác định được lai lịch) và biết chị N7 muốn tìm người mang thai hộ. B đặt vấn đề giúp tìm người mang thai hộ chị N7 với giá là 742.000.000 đồng (bao gồm tiền mua trứng) thì chị N7 đồng ý. Sau đó, chị N7 gặp và đưa trực tiếp cho B 100.000.000 đồng và B đã thuê chị Lã Thu T9 (sinh năm 2001; trú tại phố T, thị trấn T, huyện H, Ninh Bình) để hiến trứng và mang thai hộ với tổng số tiền là 230.000.000 đồng. Sau đó, L và B đưa T9 đi thăm khám, mua thuốc cho T9 hết khoảng 30.000.000 đồng và ứng cho T9 4.000.000 đồng chi tiêu. Sau đó, B bảo Nguyễn Bá M làm giả Giấy đăng ký kết hôn giữa T9 và M để thuận lợi cho việc làm hồ sơ thụ tinh. M đồng ý làm giả Giấy đăng ký kết hôn số 05/2021 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, Hà Nam cấp ngày 18/01/2021 cho Lã Thu T9 và Nguyễn Bá M, nhưng chưa đưa cho B. Khi T9 chưa thực hiện được việc thụ tinh thì B bị bắt giữ. Hiện nay, B đang còn giữ 66.000.000 đồng còn lại của chị N7 đưa.

**Vật chứng thu giữ:**

Quá trình khám xét nơi ở của các bị cáo và điều tra vụ án, Cơ quan điều tra đã thu giữ các đồ vật, tài liệu gồm:

- Thu giữ tại nhà của Đinh Thị B: Số tiền 139.000.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone.

- Thu giữ của Dư Văn L: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone.

- Thu giữ của Đinh Thị T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone.

- Thu giữ tại nhà của Nguyễn Bá M: 01 Giấy chứng nhận kết hôn số 18/2020 do Ủy ban nhân dân phường M, thành phố N, tỉnh Nam Định cấp ngày 08/3/2022 cho Đỗ Thị L3 và Nguyễn Trung H5; 01 Giấy chứng nhận kết hôn số 05/2021 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, Hà Nam cấp ngày 18/01/2021 cho Lã Thu T9 và Nguyễn Bá M; 01 Giấy chứng nhận kết hôn số 35/2021 do Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, Hà Nội cấp ngày 26/8/2021 cho Nguyễn Thị T10 và Lê Văn Đ2; 01 Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 115/2022/UBND-XNTTHN ngày 12/4/2022 của Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An cấp cho Hoàng Thị Thu H6; 55 hình mẫu dấu tròn bằng silicon; 48 hình mẫu dấu tên bằng silicon; 28 hình mẫu dấu khác bằng silicon; 01 dấu đóng ngày, tháng, năm; 01 hộp mực dấu màu xanh tim than; 01 hộp mực dấu màu đỏ; 01 hộp mực dấu màu đen; 02 tập giấy ép (màng ép) pratics khổ 11cmx7,5cm; 01 tập giấy bóng kính khổ giấy A4;

01 tập giấy in khổ giấy A4; 01 tập giấy in màu khổ giấy A4; 01 tập giấy in mẫu dấu khổ giấy A4; 01 lọ keo vỏ ngoài có nhãn hiệu conlop; 06 lọ mực in sử dụng cho máy in màu; 02 lọ mực dấu nhãn hiệu Stamp ink; 01 chiếc kéo màu đen; 01 dao dọc giấy màu đỏ; 01 bút mực màu xanh; 01 máy in màu xám, trắng nhãn hiệu HP Laser Jet Pro M12a; 01 màn hình máy tính màu đen nhãn hiệu Dell; 01 chuột dây màu đen; 01 bàn phím máy vi tính màu đen, nhãn hiệu Hanovo; 01 máy ép thân ghi Iron Plate Laminator; 02 máy in màu nhãn hiệu Canon, vỏ đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu APPLE, kiểu máy Iphone.

- Bệnh viện H7 giao nộp 07 bộ hồ sơ trong đó có bản phô tô giấy chứng nhận kết hôn, giấy xác nhận tình trạng hôn nhân như sau:

+ Hồ sơ thứ nhất: Ông Lê Hồng T1 và Phạm Thị N1 có giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.

+ Hồ sơ thứ hai: Nguyễn Minh H3 và Đồng Thị Hà T6 có giấy chứng nhận kết hôn.

+ Hồ sơ thứ ba: Ông Vũ Hồng G1 và Nguyễn Thị K2 có giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.

+ Hồ sơ thứ tư: Anh Nguyễn Văn T8 và Nguyễn Thị N6 có giấy chứng nhận kết hôn.

- Hồ sơ thứ năm: Dư Văn G và Phạm Tuyết T4 có giấy chứng nhận kết hôn.

+ Hồ sơ thứ sáu: Nguyễn Bá M và Lã Thu T9 có giấy chứng nhận kết hôn.

+ Hồ sơ thứ bảy: Dư Văn K1 và Kha Thị N2 có giấy chứng nhận kết hôn.

+ Bệnh viện P2 giao nộp 01 bộ hồ sơ trong đó có bản phô tô: 01 Giấy chứng nhận kết hôn giữa Dương Thị H4 và Dư Văn G.

Tại bản kết luận giám định số 5716/KL-KTHS ngày 22/8/2022, của Phòng K5 Công an thành phố H kết luận: "... Hình dấu tròn "U.B.N.D XÃ TƯỢNG LĨNH H. KIM BẢNG T. HÀ NAM" trên mẫu cần giám định (ký hiệu A2) với hình dấu tròn "U.B.N.D XÃ TƯỢNG LĨNH H. KIM BẢNG T. HÀ NAM" trên mẫu so sánh (ký hiệu M2) *không phải do cùng một con dấu đóng ra".*

Ngoài ra, Nguyễn Bá M và Đinh Thị T còn khai: Khoảng tháng 3/2022, B nhờ T làm giả 02 Giấy chứng nhận kết hôn. Trong đó, có 01 Giấy chứng nhận kết hôn mang tên Đỗ Thị L3 và Nguyễn Trung H5 và 01 giấy chứng nhận kết hôn mang tên Lã Thu T9 và Nguyễn Bá M. Nhưng sau đó, do T9 và L3 chưa được thụ tinh nên B chưa đưa cho T9, L3.

Đối với 01 Giấy chứng nhận kết hôn giả mang tên Nguyễn Thị T10 và Lê Văn Đ2; 01 Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân giả cho Hoàng Thị Thu H6 là do T nhận của khách đặt làm qua mạng xã hội. Do khách chưa kịp lấy thì T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H thu giữ. Kết quả điều tra xác định

Đinh Thị T và Nguyễn Bá M được hưởng lợi 10.000.000 đồng từ hoạt động làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức.

Tại Bản kết luận giám định số 5716/KL-KTHS ngày 22/8/2022 của Phòng K5 - Bộ C1 kết luận:

"... - Hình dấu tròn "U.B.N.D XÃ CHÂU SƠN H. BA VÌ TP. HÀ NỘI" trên mẫu cần giám định (ký hiệu A1) với hình sấu tròn "U.B.N.D XÃ CHÂU SƠN H. BA VÒ T.P. HÀ NỘI" trên mẫu so sánh (ký hiệu M1) *không phải do cùng một con dấu đóng ra.*

- Hình dấu tròn "U.B.N.D PHƯỜNG MỸ XÁ TP NAM ĐỊNH T. NAM ĐỊNH" trên mẫu cần giám định (ký hiệu A3) với hình dấu trong "U.B.N.D PHƯỜNG MỸ XÃ T.P NAM ĐỊNH T. NAM ĐỊNH" *không phải do cùng một con dấu đóng ra.*

- Chữ ký đúng tên Hoàng Khắc O trên mẫu cần giám định (ký hiệu A3) với chữ ký đứng tên Hoàng Khắc O trên mẫu so sánh (ký hiệu M3) *không phải do cùng một con dấu đóng ra.*

- Hình dấu tròn "U.B.N.D XÃ NGHI PHONG H. NGHI LỌC T. NGHỆ AN" trên mẫu cần giám định (ký hiệu A4) với hình dấu trong "U.B.N.D XÃ NGHI PHONG H. NGHI LỘC T. NGHỆ AN" trên mẫu so sánh (ký hiệu M4) *không phải do cùng một con dấu đóng ra".*

Tại bản Kết luận giám định số 7640/KL-KTHS ngày 09/11/2022 của Phòng K5 - Bộ C1 kết luận: "... Các mặt dấu cần giám định: "Bệnh viện Từ Dũ"; "Bệnh viện đa khoa Sở Y tế tỉnh B"; "Bệnh viện P4"; "Bệnh viện Đ5 chi nhánh công ty TNHH M1"; "Bệnh viện Bệnh viện hỗ trợ sinh sản và nam học Đức Phúc ĐÃ THU TIỀN"; "Bệnh viện P4" *không đóng ra các hình dấu có nội dung tương ứng trên các mẫu so sánh".*

Tại bản Kết luận giám định số 7732/KL-KTHS ngày 15/11/2022 của Phòng K5 - Bộ C1 kết luận: "... Các mặt dấu cần giám định: "Công ty cổ phần B4"; "Bệnh viện H8"; "Bệnh viện H9"; "Công ty TNHH B5"; "Bệnh viện đa khoa tỉnh C"; "Bệnh viện Nguyễn Đình C" *không đóng ra các hình dấu có nội dung tương ứng trên các mẫu so sánh".*

Tại bản Kết luận giám định số 7733/KL-KTHS ngày 15/11/2022 của Phòng K5 - Bộ C1 kết luận: "... Các mặt dấu cần giám định: "Bệnh viện bưu điện"; "Bệnh viện P2"; "Bệnh viện T11- KHOA Y HỌC HẠT NHÂN"; "Bệnh viện Đ6"; "Bệnh viện chuyên khoa nam học và hiếm muộn Việt Bỉ"; "Bệnh viện C2" *không đóng ra các hình dấu có nội dung tương ứng trên các mẫu so sánh".*

Tại bản Kết luận giám định số 7903/KL-KTHS ngày 23/11/2022 của Phòng K5 - Bộ C1 kết luận: "... Các mặt dấu cần giám định: "Bệnh viện B6"; "Bệnh viện K"; "Bệnh viện P5"; "Bệnh viện Đ4"; "Bệnh viện Đ4"; "Bệnh viện P6" *không đóng ra các hình dấu có nội dung tương ứng trên các mẫu so sánh".*

Tại Công văn số 39/UBND ngày 05/8/2022 của UBND xã C, huyện B trả lời: Trong sổ đăng ký kết hôn từ năm 2011 đến tháng 5/2022 không có thông tin kết hôn của 02 công dân vợ Nguyễn Thị T10, chồng Lê Văn Đ2 và UBND xã C cũng không cấp giấy chứng nhận kết hôn cho 02 công dân có tên Nguyễn Thị T10 và Lê Văn Đ2.

Đối với Dư Văn G và Dư Văn K1 có hành vi sử dụng Giấy chứng nhận kết hôn giả do Đinh Thị B đưa cho G và K1 ký vào mục người chồng để làm thủ tục hồ sơ thụ tinh nhận tạo tại Bệnh viện. Kết quả điều tra xác định G và K1 không được bàn bạc, thỏa thuận trước với B để làm gỉa Giấy chứng nhận kết hôn; G và K1 không phải là người nộp hồ sơ vào các bệnh viện để làm thủ tục thụ tinh nhân tạo mà chỉ làm theo sự chỉ đạo của B nên không phạm tội Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.

Đối với Bệnh viện hỗ trợ sinh sản và nam học Đức P đã khám, điều trị và thụ tinh trong ống nghiệm cho Phạm Thị N1, Nguyễn Thị K2, Kha Thị N2, Phạm Tuyết T4, Đồng Thị Hà T6, Nguyễn Thị N6; Bệnh viện P2 đã điều trị và thụ tinh trong ống nghiệm cho Dương Thị H4. Trong quá trình cấy phôi, khám và điều trị, Bệnh viện hỗ trợ sinh sản và nam học Đức P và Bệnh viện P2 đã làm đúng quy định về khám chữa bệnh của Bộ Y1. Các bệnh viện trên không biết các chị N1, K2, T4, T6, N2, N6, H4 đã mang thai hộ cho người khác và không biết các Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn và Giấy chứng nhận độc thân do các chị nộp là giả, riêng Lã Thu T9 chưa mang thai hộ, trong giai đoạn xét nghiệm thì B bị bắt. Do đó, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với người có trách nhiệm tại Bệnh viện hỗ trợ sinh sản và nam học Đ; Bệnh viện P2.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 360/2023/HS-ST ngày 24/8/2023, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã tuyên bố các bị cáo Đinh Thị B, Đinh Thị T, phạm tội "*Tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại*", "*Tội làm giả tài liệu con dấu của cơ quan, tổ chức*", bị cáo Dư Văn L phạm tội "*Tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại*".

Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 187; điểm a khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38; Điều 55 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: **Đinh Thị B** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại và 03 (ba) năm tù về tội Làm giả con dấu tài liệu của cơ quan, tổ chức. Tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 05 (năm) 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 18/4/2022 đến ngày 20/4/2022.

Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 187; điểm a khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38; Điều 55 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: **Đinh Thị T** 02 (hai) năm tù về tội Tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại và 03 (ba) năm tù về tội Làm giả con dấu tài liệu của

cơ quan, tổ chức. Tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 05 (năm) tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/4/2022.

Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 187; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: **Dư Văn L** 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/4/2022.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Bá M, Dư Văn G, Lê Văn Đ1, Dư Văn K1, xử lý vật chứng, án phí và thông báo kháng cáo theo luật quy định.

Ngày 29/8/2023, các bị cáo Đinh Thị B, Đinh Thị T, Dư Văn L có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

***Tại phiên tòa phúc thẩm:***

Các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trình bày quan điểm giải quyết vụ án:* Về việc tuân thủ các qui định của HĐXX phúc thẩm đã thực hiện đầy đủ các qui định của Bộ luật tố tụng tụng Hình sự trong quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm thấy rằng: Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo Đinh Thị T đã tự nguyện nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm mà bị cáo phải chịu, bị cáo Đinh thị B2 đã tự nguyện nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và số tiền bị cáo thu lợi bất chính. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận phần kháng cáo của các bị cáo Đinh Thị T và Đinh Thị B đối với hình phạt về tội "Tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại", theo hướng giảm hình phạt tù cho mỗi bị cáo từ 04 đến 06 tháng. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm đối với các bị cáo Đinh Thị T và Đinh Thị B phần hình phạt về tội "Làm giả con dấu tài liệu của cơ quan tổ chức".

Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Dư Văn L, Toà án cấp sơ thẩm đã xem xét hành vi phạm tội, vai trò của các bị cáo trong vụ án, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng để quyết định hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ, tại phiên toà phúc thẩm bị cáo không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì mới. Do vậy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, đề nghị HĐXX giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm đối với bị cáo Dư Văn L.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

*[1] Về hành vi, quyết định tố tụng:* Các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc

khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Đinh Thị B, Đinh Thị T, Dư Văn L đều làm đơn kháng cáo trong hạn luật định theo đúng quy định tại các Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự nên kháng cáo của các bị cáo là hợp pháp, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Xét nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Đinh Thị B, Đinh Thị T và Dư Văn L.

Tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan Điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có căn cứ xác định: Đinh Thị B là đối tượng không có nghề nghiệp ổn định, thấy nhiều người muốn có con nhưng không sinh đẻ được nên đã nghĩ đến việc tổ chức mang thai hộ để lấy tiền chi tiêu. Khoảng đầu năm 2021, B rủ Dư Văn L (là chồng B) cùng tham gia tổ chức mang thai hộ. L có nhiệm vụ đưa những người mang thai hộ đi nộp hồ sơ, khám, xét nghiệm, thụ tinh tại các bệnh viện và được L đồng ý. Sau đó, B đã đến các Bệnh viện Đ4, Bệnh viện H7 để làm quen với những người có nhu cầu nhờ mang thai hộ, thỏa thuận với khách giá từ 650.000.000 đồng đến 700.000.000 đồng/ trường hợp, nếu mang thai đôi thì phải trả thêm từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng và phải thanh toán theo giai đoạn do B đặt ra. B sử dụng số tài khoản 0580151869999 mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Q2 để nhận tiền. B đăng tải thông tin tìm kiếm những người phụ nữ nhận mang thai hộ lên trang mạng xã hội Facebook với giá từ 230.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng, được nuôi ăn ở chăm sóc miễn phí, tham gia hội "*Mang thai hộ vì mục đích nhân đạo giúp các gia đình vô sinh hiếm muộn*" và sử dụng nick "*Ngọc N*" để liên lạc. Sau khi tuyển xong, B đưa những người này về nơi thuê trọ của mình tại Phòng 1206, tòa HH03B, khu đô thị T, xã C, huyện T, Hà Nội để chờ xét nghiệm khi có người thuê mang thai hộ. Do những người nhờ mang thai hộ không muốn tiết lộ nhân thân nên B đã nhờ Dư Văn G, Dư Văn K1 (là các anh ruột của L- chồng B) đóng giả làm chồng của những người mang thai hộ. Để hợp thức hóa hồ sơ khi vào bệnh viện làm các xét nghiệm, thụ tinh. B cùng vợ chồng em gái là Đinh Thị T và Nguyễn Bá M làm giả giấy chứng nhận kết hôn giả cho người mang thai hộ. Khi có giấy chứng nhận kết hôn hoặc giấy chứng nhận độc thân B đưa cho người mang thai hộ nộp hồ sơ vào bệnh viện để làm thủ tục thụ tinh nhân tạo. Ngay sau khi thụ tinh thành công, B thu hồi lại rồi hủy bỏ. Để giúp sức cho B tổ chức mang thai hộ, Nguyễn Bá M và Đinh Thị T (là em gái và em rể của B) mua các thiết bị máy tính, máy làm con dấu, phôi giấy chứng nhận kết hôn, mực in, các loại giấy chuyên dùng để làm giả con dấu, tài liệu "Giấy

xác nhận tình trạng hôn nhân", "Giấy chứng nhận kết hôn" cho B để phục vụ việc nộp hồ sơ giả để tổ chức mang thai hộ. Ngoài ra, quá trình đưa người mang thai hộ đi xét nghiệm, B quen biết Lê Văn Đ1, là nhân viên xét nghiệm tại phòng khám, Đ1 cũng đã môi giới cho B tổ chức mang thai hộ để hưởng lợi.

Bằng phương pháp và thủ đoạn như trên, trong thời gian từ giữa năm 2021 đến tháng 4/2022, Đinh Thị B và Dư Văn L đã tổ chức mang thai hộ 08 vụ. Nguyễn Bá M và Đinh Thị T đồng phạm giúp sức 06 vụ. Dư Văn G đồng phạm vai trò giúp sức 02 vụ. Lê Văn Đ1 đồng phạm vai trò giúp sức 01 vụ. Dư Văn K1 đồng phạm giúp sức 01 vụ. Đinh Thị B được hưởng lợi tổng số tiền 232.000.000 đồng; Lê Văn Đ1 được hưởng lợi số tiền 15.000.000 đồng; Nguyễn Bá M, Đinh Thị T, Dư Văn L, Dư Văn G và Dư Văn K1 không được hưởng lợi. Cụ thể:

- Vụ thứ nhất: B cùng L và Đ1 tổ chức cho Phạm Thị N1 mang thai hộ cho ông Lê Hồng T1. Ngày 21/3/2022, N1 sinh được bé trai tại Bệnh viện Đ4. B đã giao cháu bé cho ông T1, được ông T1 đặt tên là Lê Hồng B1. Hiện nay, cháu bé do ông T1 nuôi dưỡng chăm sóc. B mua giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, quyết định công nhận thuận tình ly hôn của người không quen biết qua mạng xã hội Facebook cho N1 và ông T1 để N1 nộp hồ sơ giả.

- Vụ thứ hai: B cùng L tổ chức cho Nguyễn Thị K2 mang thai hộ cho ông Vũ Hồng G1. Ngày 05/4/2022, K2 sinh được bé trai tại Bệnh viện Đ4. B đã giao cháu bé cho ông G1, được ông G1 đặt tên là Vũ Nam K3. Hiện nay, cháu bé do ông G1 nuôi dưỡng chăm sóc. B mua giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của người không quen biết qua mạng xã hội Facebook cho K2 và ông G1 để Khuyên nộp hồ sơ giả.

- Vụ thứ ba: B cùng L, M, T và K1 tổ chức cho Kha Thị N2 mang thai hộ cho vợ chồng chị Lê Thị T2 và anh Đàm Trọng T3. N2 đã thụ thai nhưng không giữ được thai. Trong đó, B cùng M và T làm giả Giấy chứng nhận kết hôn cho N2 và K1.

- Vụ thứ tư: B cùng L, M, T và Văn G tổ chức cho Phạm Tuyết T4 mang thai hộ cho ông Lê Huy H2. Ngày 05/9/2022, T4 sinh được 02 bé trai tại Bệnh viện A. T4 đã giao cháu bé cho ông H2, được ông H2 đặt tên là Lê Hoàng P1 và Lê Hoàng Đ3. Hiện nay, 02 cháu bé do ông H2 nuôi dưỡng chăm sóc. Trong đó, B cùng M và T đã làm giả Giấy chứng nhận kết hôn cho G và T4.

- Vụ thứ năm: B cùng L, M và T tổ chức cho Đồng Thị Hà T6 mang thai hộ cho anh Nguyễn Minh H3. Ngày 18/8/2022, T6 sinh được 02 bé trai tại Bệnh viện P7. T6 đã giao cháu bé cho anh H3, được anh H3 đặt tên là Nguyễn Hoàng N3 và Nguyễn Hoàng D1. Hiện nay, 02 cháu bé do anh H3 nuôi dưỡng chăm sóc. Trong đó, B cùng M và T đã làm giả Giấy chứng nhận kết hôn cho H3 và T6.

- Vụ thứ sáu: B cùng L, M, T và Văn G tổ chức cho Dương Thị H4 mang thai hộ cho anh Nguyễn Hùng L2. H4 mang thai nhưng không giữ được thai nên

không thành công. Trong đó, B cùng M và T đã làm giả Giấy chứng nhận kết hôn cho H4 và Văn G.

- Vụ thứ bẩy: B cùng L, M và T tổ chức cho Nguyễn Thị N6 mang thai hộ cho anh Nguyễn Văn T8. Nhàn đã mang thai nhưng không giữ được thai nên không thành công. Trong đó, B cùng M và T đã làm giả Giấy chứng nhận kết hôn cho N6 và anh T8.

- Vụ thứ tám: B cùng L, M và T tổ chức cho Lã Thu T9 mang thai hộ cho chị Trần Thị Bích N7 (chưa tiến hành cấy phôi thai cho T9). Trong đó, B và M, T đã làm giả Giấy chứng nhận kết hôn cho T9 và M.

Đinh Thị B đã làm giả 11 tài liệu (04 giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, 01 Quyết định công nhận thuận tình ly hôn, 06 giấy chứng nhận kết hôn). Đinh Thị T và Nguyễn Bá M làm giả 06 tài liệu (06 giấy chứng nhận kết hôn) để giúp sức cho B tổ chức mang thai hộ; làm giả 48 con dấu, 02 giấy chứng nhận kết hôn giả, 01 giấy xác nhận tình trạng hôn nhân giả nhưng chưa kịp giao cho khách hàng. T và M được hưởng lợi tổng số tiền là 10.000.000 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định các bị cáo Đinh Thị B, Đinh Thị T phạm tội Tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại và tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức, theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 187 và điểm a, khoản 3, Điều 341 Bộ luật Hình sự; bị cáo Dư Văn L phạm tội Tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại, theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 187 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; nhân thân chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo B còn có công tố giác tội phạm giúp cơ quan điều tra phát hiện và khởi tố vụ án; các bị cáo có thu lời bất chính đã nộp lại đầy đủ; các bị cáo Đinh Thị B - Dư Văn L và Nguyễn Bá M - Đinh Thị T là vợ chồng; gia đình các bị cáo có công với cách mạng. Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc cho các bị cáo Đinh Thị B, Đinh Thị T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, bị cáo Dư Văn L được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng qui định của pháp luật.

Xét thấy tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo Đinh Thị T đã tự nguyện nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sợ sơ thẩm, tại biên lai thu tiền số 0023944 ngày 18/01/2024 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội; bị cáo Đinh Thị B đã tự nguyện nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và số tiền bị cáo thu lợi bất chính mà có của tội "Tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại" tại biên lai thu tiền số 0023945 ngày 18/01/2034 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội số tiền 60.200.000 đồng. Bởi vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận kháng cáo

xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Đinh Thị B và Đinh Thị T về tội Tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại. Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Đinh Thị T, Đinh Thị B về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức"; nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng hành vi, vai trò của các bị cáo, áp dụng đúng các tình tiết giảm nhẹ để quyết định hình phạt đối với hai bị cáo là phù hợp, do đó không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt đối với tội danh này. Đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên toà về việc chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo B, T giảm nhẹ hình phạt về tội danh "Tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại", giữ nguyên hình phạt về tội danh "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" là có căn cứ để chấp nhận.

Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ của bị cáo Dư Văn L, Toà án cấp sơ thẩm đã đã xem xét hành vi phạm tội vai trò của các bị cáo trong vụ án, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng để quyết định hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ, tại phiên toà phúc thẩm bị cáo không cung cấp thêm tại liệu chứng cứ gì mới. Do vậy không có căn cứ để chấp nhận nội dung xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ để chấp nhận.

[5] Xác nhận các bị cáo Đinh Thị T đã nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm, tại biên lai thu tiền số 0023944 ngày 18/01/2024 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Xác nhận bị cáo Đinh Thị B đã nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 60.000.000 đồng số tiền bị cáo thu lợi bất chính mà có của tội "Tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại", tại biên lai thu tiền số 0023945 ngày 18/01/2024 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

[6] Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án", kháng cáo của các bị cáo Đinh Thị B và Đinh Thị T được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Kháng cáo của bị cáo Dư Văn L không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 356, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự,

1. Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Dư Văn L.

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Đinh Thị B, Đinh Thị T, sửa phần hình phạt đối với các bị cáo Đinh Thị B, Đinh Thị T về tội "Tổ chức mang

thai hộ vì mục đích thương mại", giữ nguyên quyết định phần hình phạt đối với các bị cáo Đinh Thị B, Đinh Thị T về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức" tại Bản án hình sự sơ thẩm số 360/2023/HS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:

Tuyên bố các bị cáo Đinh Thị B, Đinh Thị T phạm hai tội, tội "Tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại" và tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức"; Bị cáo Dư Văn L phạm tội "Tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại";

2.1. Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 187; điểm a khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38; Điều 55 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: **Đinh Thị B** 02 (hai) năm tù về tội Tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại và 03 (ba) năm tù về tội Làm giả con dấu tài liệu của cơ quan, tổ chức. Tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 18/4/2022 đến ngày 20/4/2022.

2.2 Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 187; điểm a khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38; Điều 55 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: **Đinh Thị T** 01 (một) năm 06 (S) tháng tù về tội Tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại và 03 (ba) năm tù về tội Làm giả con dấu tài liệu của cơ quan, tổ chức. Tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/4/2022.

2.3 Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 187; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: **Dư Văn L** 02 (hai) năm tù về tội Tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại. Thời hạn tù tính từ ngày 15/4/2022.

3. Về biện pháp tư pháp: Ghi nhận bị cáo Đinh Thị B (do ông Đỗ Hữu B3 nộp thay) đã nộp 60.000.000 đồng tiền thu lời bất chính, tại Biên lai thu tiền số 0023945 ngày 18/1/2024 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Bị cáo còn phải truy nộp tiếp số tiền 145.000.000 đồng.

4. Về án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Ghi nhận bị cáo Đinh Thị T (do ông Đỗ Hữu B3 nộp thay) đã nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm tại Biên lai thu tiền số 0023944 ngày 18/1/2024 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Ghi nhận bị cáo Đinh Thị B (do ông Đỗ Hữu B3 nộp thay) đã nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm tại Biên lai thu tiền số 0023945 ngày 18/1/2024 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

- Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Đinh Thị B và Đinh Thị T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Dư Văn L phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Công an TP Hà Nội;
- Cơ quan THAHS Công an TP Hà Nội;
- Cục THADS TP Hà Nội;
- Trại tạm giam Công an TP Hà Nội;
- Bị cáo Thiện, Linh (qua trại tạm giam);
- Bị cáo Bình (theo địa chỉ);
- Lưu: P.HCTP-VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Phạm Văn Nam**